HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2024/NQ-HĐND	*Bình Dương, ngày 12 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định về chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính và định mức chi đối với lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn;

Xét Tờ trình số 6695/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình về ban hành Quy định về chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính và định mức chi đối với lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính và định mức chi đối với lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp các văn bản căn cứ của Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và bãi bỏ Chương I và Chương II của Quy định chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính và định mức chi đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Các Bộ: VHTTDL, Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website tỉnh, Báo, Đài PT-TH;
- Các phòng, App, Web;
- Lưu: VT, Ly (4).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Văn Lộc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính và định mức chi đối với lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(Kèm theo Nghị Quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng trong các hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật biểu diễn cấp khu vực, cấp toàn quốc và những hoạt động văn hóa, nghệ thuật tổ chức trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Đối với loại hình, thể loại hoạt động văn hóa, nghệ thuật có tính chất tương đương chưa được quy định mức chi tại văn bản quy phạm pháp luật nào thì cơ quan, đơn vị tổ chức trao đổi thống nhất với cơ quan tài chính cùng cấp áp dụng mức chi tương đương tại Quy định này để thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật; công chức, viên chức, diễn viên, cộng tác viên và các lực lượng khác trực tiếp tham gia tập luyện, biểu diễn, phục vụ công tác văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn của tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

3. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập; nguồn thu bán vé xem chương trình nghệ thuật, tài trợ, quảng cáo, bán bản quyền phát thanh, truyền hình.

4. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ, CHI TIÊU TÀI CHÍNH VÀ ĐỊNH MỨC CHI

Điều 3. Chế độ hỗ trợ tập luyện và biểu diễn

Ngoài chế độ hỗ trợ theo quy định của Trung ương, diễn viên và người trực tiếp tham gia tổ chức, biểu diễn, phục vụ chương trình nghệ thuật ca, múa, nhạc;

các vở diễn sân khấu, hội thi, hội diễn còn được hưởng thêm chế độ hỗ trợ khi tập luyện, biểu diễn theo số buổi thực tế, như sau:

1. Đối với Đoàn biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp

a) Hỗ trợ tập luyện (tính theo số buổi tập thực tế): 0,09 lần mức lương cơ sở/người/buổi.

b) Hỗ trợ biểu diễn

- Người chỉ đạo nghệ thuật chương trình nghệ thuật ca múa nhạc, người chỉ đạo nghệ thuật vở diễn sân khấu, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú...: 0,31 lần mức lương cơ sở/người/buổi;

- Diễn viên đóng vai chính trong vở diễn sân khấu, nhạc kịch (opera), vũ kịch (ballet), xiếc, rối; diễn viên hát chính; diễn viên múa chính, nhạc công chính; trưởng, phó các đơn vị nghệ thuật, trưởng, phó các đoàn biểu diễn trực thuộc...: 0,27 lần mức lương cơ sở/người/buổi;

- Diễn viên đóng vai chính thứ trong vở diễn sân khấu, nhạc kịch (opera), vũ kịch (ballet), xiếc, rối; diễn viên hát chính thứ; diễn viên múa chính thứ; nhạc công chính thứ; kỹ thuật viên chính âm thanh, kỹ thuật viên chính ánh sáng...: 0,23 lần mức lương cơ sở/người/buổi;

- Diễn viên đóng vai phụ trong vở diễn sân khấu, nhạc kịch (opera), vũ kịch (ballet), xiếc, rối; diễn viên hát; diễn viên múa; nhạc công; kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng, nhân viên hậu đài, nhân viên hóa trang, nhân viên phục trang, nhân viên đạo cụ và nhân viên phục vụ khác...: 0,19 lần mức lương cơ sở/người/buổi;

2. Đối với Đội văn nghệ quần chúng

STT	**Nội dung hỗ trợ**	**Tỉnh**	**Cấp huyện; Các ban, ngành tỉnh**	**Cấp xã; Các ban ngành cấp huyện**
		Mức lương cơ sở/người/buổi		
I	**Hỗ trợ tập luyện** (tính theo số buổi tập thực tế)			
1	Người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước	0,05	0,05	0,05
2	Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước	0,15	0,12	0,12
II	**Hỗ trợ biểu diễn hội thi, hội diễn**			

1	Diễn viên chính, chỉ huy dàn nhạc, dẫn chương trình			
	a) Người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước	0,15	0,12	0,09
	b) Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước	0,23	0,19	0,12
2	Diễn viên phụ, nhạc công, nhân viên phục vụ âm thanh, ánh sáng			
	a) Người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước	0,12	0,09	0,08
	b) Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước	0,19	0,15	0,09

3. Đối với Đội thông tin lưu động

STT	**Nội dung hỗ trợ**	**Tỉnh**	**Cấp huyện; Các ban, ngành tỉnh**
		Mức lương cơ sở/người/buổi	
I	**Hỗ trợ tập luyện** (tính theo số buổi tập thực tế)		
1	Người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước	0,04	0,04
2	Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước	0,15	0,12
II	**Hỗ trợ biểu diễn**		
1	Người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước		
	a) Vai chính	0,11	0,08
	b) Các vai còn lại	0,09	0,06
2	Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước		

	a) Vai chính	0,23	0,19
	b) Các vai còn lại	0,19	0,15
3	Hỗ trợ tiền thanh sắc	*Mức lương cơ sở/người/tháng*	
	Người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước	0,23	0,15
4	Hỗ trợ tiền mỹ phẩm hóa trang	*Mức lương cơ sở/người/tháng*	
	Người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước	0,08	0,05

Lưu ý: Trường hợp 01 người tham gia biểu diễn chương trình, thực hiện 02 nhiệm vụ cùng một thời điểm thì chỉ hưởng hỗ trợ biểu diễn của nhiệm vụ có mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Hỗ trợ ổn định thu nhập

Đối với những đối tượng có thời gian làm việc, công tác từ 01 năm trở lên.

1. Nghệ sỹ nhân dân: 7,70 lần mức lương cơ sở/người/năm;

2. Nghệ sỹ ưu tú: 6,40 lần mức lương cơ sở/người/năm;

3. Trình độ Đại học và Người chỉ đạo nghệ thuật chương trình nghệ thuật ca múa nhạc, Người chỉ đạo nghệ thuật vở diễn sân khấu...: 1,31 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

4. Trình độ Cao đẳng; Trung cấp: 1,46 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

5. Trình độ Sơ cấp; Năng khiếu: 1,54 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

6. Hỗ trợ tiền thuê nhà:

a) Đối tượng: nghệ sỹ, diễn viên, nhạc công ở tỉnh khác về công tác tại đơn vị hoạt động trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật chưa có nhà ở tại địa phương nơi công tác (huyện, thành phố).

b) Mức hỗ trợ: 0,54 lần mức lương cơ sở/người/tháng

Điều 5. Hỗ trợ khen thưởng cho tập thể, cá nhân của tỉnh Bình Dương đạt thành tích xuất sắc trong các hoạt động văn hóa do Trung ương tổ chức (ngoài mức thưởng theo quy định của Trung ương)

1. Hỗ trợ khen thưởng đối với hội diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Nghệ thuật Biểu diễn tổ chức:

STT	Nội dung	Mức thưởng		
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Khuyến khích

		Mức lương cơ sở/huy chương		
1	Giải tiết mục ca từ 01 đến 03 diễn viên	8,55	6,41	4,27
2	Giải tiết mục ca từ 04 diễn viên trở lên	10,68	8,55	6,41
3	Giải tiết mục múa từ 01 đến 03 diễn viên, độc tấu khí nhạc	8,55	6,41	4,27
4	Giải tiết mục múa từ 04 diễn viên trở lên có tình tiết	10,68	8,55	6,41
5	Múa hát, Hát múa, Múa minh họa tập thể từ 05 diễn viên trở lên	14,96	10,68	8,55
6	Giải tiết mục hòa tấu khí nhạc	8,55	6,41	4,27
7	Giải chương trình	21,37	17,09	12,82
8	Giải chỉ đạo nghệ thuật; biên kịch; đạo diễn; dàn nhạc; thiết kế sân khấu, cảnh trí, đạo cụ, trang phục xuất sắc...	8,55		

2. Hỗ trợ khen thưởng đối với liên hoan ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Nghệ thuật Biểu diễn tổ chức: bằng 50% theo mức thưởng tương ứng tại khoản 1, Điều này.

3. Hỗ trợ khen thưởng đối với hội thi, hội diễn và liên hoan không chuyên khác do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Nghệ thuật Biểu diễn, Cục Văn hóa cơ sở và cấp tương đương tổ chức: bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, Điều này.

4. Chương trình đạt thành tích "Giải chương trình/Giải toàn đoàn" tại các hội thi, hội diễn, liên hoan chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp: người chỉ đạo nghệ thuật chương trình nghệ thuật ca múa nhạc, biên kịch, đạo diễn trực tiếp dàn dựng, luyện tập cho diễn viên được thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng tại khoản 1, Điều này.

Điều 6. Hỗ trợ cho cán bộ trực tiếp phụ trách phòng đọc sách, báo các điểm Bưu điện văn hóa xã

Hỗ trợ 0,35 lần mức lương cơ sở/người/tháng; mức này chỉ áp dụng đối với các điểm Bưu điện văn hóa xã đang hoạt động; nguồn kinh phí được trích từ nguồn ngân sách cấp xã.

Điều 7. Hỗ trợ đối với viên chức có nơi ở đăng ký thường trú xa nơi làm việc

1. Có nơi ở đăng ký thường trú xa nơi làm việc từ 20km đến 40km được hỗ trợ: 200.000 đồng/tháng.

2. Có nơi ở đăng ký thường trú xa nơi làm việc trên 40km được hỗ trợ: 300.000 đồng/tháng.

Điều 8. Chi bồi dưỡng cho Ban tổ chức, Ban giám khảo các cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan tổ chức trên địa bàn tỉnh

(Phụ lục 01 kèm theo)

Điều 9. Chi khen thưởng các cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan tổ chức trên địa bàn tỉnh

(Phụ lục 02 kèm theo)

Điều 10. Chi hỗ trợ cho hoạt động sinh vật cảnh

(Phụ lục 03 kèm theo)

Phụ lục 01 (Điều 8)
CHI BỒI DƯỠNG BAN TỔ CHỨC, BAN GIÁM KHẢO CÁC CUỘC THI, HỘI THI, HỘI DIỄN, LIÊN HOAN TỔ CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quy định chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính và định mức chi đối với lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương)

Đơn vị tính: Mức lương cơ sở

STT	Nội dung	Ban Tổ chức (Mức lương cơ sở/Người/Ngày)			Ban Giám khảo (Mức lương cơ sở/Người/Ngày)		
		Tỉnh	Cấp huyện; các ngành tỉnh	Cấp xã; các ngành cấp huyện	Tỉnh	Cấp huyện; các ngành tỉnh	Cấp xã; các ngành cấp huyện
I	**Mức chi bồi dưỡng cho Ban tổ chức, Ban giám khảo các cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan,...**						
1	***Ban ngày***						
	Người trong tỉnh						
	Trưởng ban	0,21	0,17	0,15	0,51	0,43	0,34
	Phó ban	0,17	0,15	0,09	0,43	0,34	0,26
	Thành viên	0,15	0,09	0,06	0,34	0,26	0,17
	Người ngoài tỉnh						
	Trưởng ban				0,64	0,51	0,43
	Thành viên				0,43	0,34	0,26
2	***Ban đêm***						
	Người trong tỉnh						
	Trưởng ban				0,64	0,51	0,43
	Phó ban				0,51	0,43	0,34

	Thành viên				0,43	0,34	0,26
	Người ngoài tỉnh						
	Trưởng ban				0,85	0,77	0,64
	Thành viên				0,77	0,64	0,51
3	Đối với thành viên Ban tổ chức, Ban Giám khảo ngoài tỉnh hoặc ở xa nơi tổ chức cuộc thi được hỗ trợ phụ cấp lưu trú, thuê phòng ngủ, chi phí đi lại theo mức chi quy định về chế độ công tác phí hiện hành. Trường hợp thành viên Ban tổ chức, Ban Giám khảo được thanh toán chế độ tại quy định này thì không được thanh toán tiền công tác phí tại cơ quan, đơn vị thành viên Ban tổ chức, Ban Giám khảo						
II	**Mức chi bồi dưỡng Ban giám khảo các hội thi sáng tác "ảnh", thi sáng tác "ca khúc"**						
1	**Hội thi sáng tác "ảnh"**						
a	Số lượng "ảnh" dự thi (dưới 500 ảnh)						
	Trưởng ban				0,34	0,26	0,21
	Thành viên				0,21	0,17	0,13
b	Số lượng "ảnh" dự thi (từ 500 ảnh đến 1.000 ảnh)						
	Trưởng ban				0,51	0,43	0,34
	Thành viên				0,43	0,34	0,26
c	Số lượng "ảnh" dự thi (trên 1.000 ảnh)						
	Trưởng ban				0,64	0,51	0,43
	Thành viên				0,51	0,43	0,26

2	**Hội thi sáng tác "ca khúc"**						
a	Vòng sơ khảo				0,21	0,13	
b	Vòng 2, vòng chung kết (Chấm số lượng bài gấp 4 lần số lượng bài của vòng sơ khảo)				0,64	0,38	

Phụ lục 02 (Điều 9)
CHI KHEN THƯỞNG
CÁC CUỘC THI, HỘI THI, HỘI DIỄN, LIÊN HOAN
TỔ CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quy định chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính và định mức chi đối với lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương)

Đơn vị tính: Mức lương cơ sở

STT	Nội dung	Tỉnh	Cấp huyện; các ngành tỉnh	Cấp xã; các ngành cấp huyện
I	**Mức tổng thưởng**			
1	**Số lượng tham dự từ 01 đến dưới 10 đoàn**			
a	**Giải toàn đoàn**			
	+ Giải nhất	3,86	3,09	1,54
	+ Giải nhì	2,77	2,32	1,09
	+ Giải ba	1,96	1,54	0,77
	+ Giải khuyến khích	1,19	0,94	0,46
b	**Giải tiết mục**	-	-	-
	- Múa, nhóm nhảy, ban nhạc			
	+ Giải nhất	1,96	1,54	0,77
	+ Giải nhì	1,39	1,09	0,57
	+ Giải ba	0,94	0,77	0,42
	+ Giải khuyến khích	0,62	0,46	0,25
	- Hợp ca, đồng ca, tốp ca			
	+ Giải nhất	1,96	1,54	0,77
	+ Giải nhì	1,39	1,09	0,57
	+ Giải ba	0,94	0,77	0,42

	+ Giải khuyến khích	0,62	0,46	0,25
	- Tam ca, song ca			
	+ Giải nhất	1,39	1,09	0,57
	+ Giải nhì	1,03	0,77	0,42
	+ Giải ba	0,72	0,57	0,32
	+ Giải khuyến khích	0,42	0,32	0,15
	- Giải cá nhân (đơn ca, ca ra bộ, tuyên truyền viên, độc tấu)			
	+ Giải nhất	1,19	0,94	0,46
	+ Giải nhì	0,94	0,77	0,42
	+ Giải ba	0,72	0,57	0,32
	+ Giải khuyến khích, giải phong cách	0,42	0,32	0,15
	- Hoà tấu - nhạc dân tộc			
	+ Giải nhất	1,54	1,23	0,62
	+ Giải nhì	1,03	0,87	0,46
	+ Giải ba	0,77	0,62	0,32
	+ Giải khuyến khích	0,46	0,42	0,25
	- Kịch, cải lương (sân khấu, tiểu phẩm)			
	+ Giải nhất	2,32	1,85	0,94
	+ Giải nhì	1,54	1,23	0,62
	+ Giải ba	1,19	0,94	0,46
	+ Giải khuyến khích	0.72	0,57	0,32
2	**Số lượng tham dự từ 10 đến dưới 15 đoàn**			
a	**Giải toàn đoàn**			

	+ Giải nhất	4,63	3,86	1,85
	+ Giải nhì	3,09	2,32	1,23
	+ Giải ba	2,32	1,96	0,94
	+ Giải khuyến khích	1,39	1,19	0,57
b	**Giải tiết mục**			
	- *Múa, nhóm nhảy, ban nhạc*			
	+ Giải nhất	2,77	2,32	1,09
	+ Giải nhì	1,96	1,54	0,77
	+ Giải ba	1,39	1,19	0,57
	+ Giải khuyến khích	0,94	0,77	0,42
	- *Hợp ca, đồng ca, tốp ca*			
	+ Giải nhất	2,32	1,85	0,94
	+ Giải nhì	1,54	1,23	0,62
	+ Giải ba	1,19	0,94	0,46
	+ Giải khuyến khích	0,77	0,62	0,32
	- *Tam ca, song ca*			
	+ Giải nhất	1,54	1,23	0,62
	+ Giải nhì	1,09	0,87	0,46
	+ Giải ba	0,77	0,62	0,32
	+ Giải khuyến khích	0,46	0,42	0,20
	- *Giải cá nhân* (đơn ca, ca ra bộ, tuyên truyền viên, độc tấu)			
	+ Giải nhất	1,39	1,09	0,54
	+ Giải nhì	0,94	0,77	0,39
	+ Giải ba	0,72	0,57	0,32

	+ Giải khuyến khích, giải phong cách	0,46	0,42	0,15
	- Hoà tấu - nhạc dân tộc			
	+ Giải nhất	1,85	1,54	0,19
	+ Giải nhì	1,34	1,09	0,57
	+ Giải ba	0,94	0,77	0,42
	+ Giải khuyến khích	0,57	0,46	0,25
	- Kịch, cải lương (sân khấu, tiểu phẩm)			
	+ Giải nhất	2,77	2,26	1,09
	+ Giải nhì	1,96	1,54	0,77
	+ Giải ba	1,39	1,19	0,57
	+ Giải khuyến khích	0,87	0,72	0,32
	- Giải thuyết trình			
	+ Giải nhất	0,94	0,77	0,42
	+ Giải nhì	0,62	0,46	0,25
	+ Giải ba	0,46	0,42	0,15
	+ Giải khuyến khích	0,32	0,25	0,10
	- Giải trả lời câu hỏi tình huống			
	+ Giải nhất	0,94	0,77	0,42
	+ Giải nhì	0,62	0,46	0,25
	+ Giải ba	0,46	0,42	0,15
	+ Giải khuyến khích	0,32	0,25	0,10
3	**Số lượng tham dự từ 15 đoàn trở lên**			
a	**Giải toàn đoàn**	-	-	-
	+ Giải nhất	6,18	4,94	2,32

	+ Giải nhì	4,63	3,86	1,85
	+ Giải ba	3,09	2,48	1,19
	+ Giải khuyến khích	1,85	1,54	0,70
b	**Giải tiết mục**	-	-	-
	- *Múa*			
	+ Giải nhất	3,09	2,48	1,23
	+ Giải nhì	2,16	1,85	0,94
	+ Giải ba	1,54	1,23	0,62
	+ Giải khuyến khích	0,94	0,77	0,42
	- *Hợp ca, đồng ca, tốp ca*			
	+ Giải nhất	2,77	2,26	1,09
	+ Giải nhì	1,96	1,54	0,77
	+ Giải ba	1,39	1,19	0,57
	+ Giải khuyến khích	0,87	0,72	0,32
	- *Tam ca, song ca*			
	+ Giải nhất	1,96	1,54	0,77
	+ Giải nhì	1,39	1,19	0,57
	+ Giải ba	0,94	0,77	0,42
	+ Giải khuyến khích	0,62	0,46	0,25
	- *Giải cá nhân (đơn ca, ca ra bộ, tuyên truyền viên, độc tấu)*			
	+ Giải nhất	1,85	1,54	0,77
	+ Giải nhì	1,34	1,09	0,57
	+ Giải ba	0,94	0,77	0,42
	+ Giải khuyến khích, giải phong cách	0,57	0,46	0,25

	- Hoà tấu - nhạc dân tộc			
	+ Giải nhất	1,96	1,54	0,77
	+ Giải nhì	1,39	1,19	0,57
	+ Giải ba	0,94	0,77	0,42
	+ Giải khuyến khích	0,62	0,46	0,25
	- Kịch, cải lương (sân khấu, tiểu phẩm)			
	+ Giải nhất	3,86	1,99	1,54
	+ Giải nhì	2,77	2,26	1,09
	+ Giải ba	1,96	1,54	0,77
	+ Giải khuyến khích	1,19	0,94	0,46
II	**Mức thưởng các cuộc thi sáng tác kịch bản, diễu hành xe hoa Thông tin lưu động**			
1	**Các cuộc thi sáng tác kịch bản** *(Đội tuyên truyền lưu động)*			
a	**Số lượng từ 15 đến dưới 30 kịch bản (45 phút/ kịch bản)**			
	+ Giải nhất	7,72	6,18	3,09
	+ Giải nhì	5,40	4,63	2,32
	+ Giải ba	3,86	3,09	1,54
	+ Giải khuyến khích	2,32	1,85	0,94
b	**Số lượng từ 30 kịch bản trở lên**			
	+ Giải nhất	10,80	8,49	4,63
	+ Giải nhì	7,72	6,18	3,09
	+ Giải ba	5,40	4,63	2,32
	+ Giải khuyến khích	3,09	2,32	1,23
2	**Diễu hành xe hoa Thông tin lưu động**			

	+ Giải nhất	3,09	2,32	1,23
	+ Giải nhì	2,32	1,85	0,94
	+ Giải ba	1,54	1,19	0,62
	+ Giải khuyến khích	0,94	0,72	0,42
3	**Mức thưởng các cuộc thi sáng tác ca khúc**			
a	**Số lượng từ 15 đến dưới 30 ca khúc dự thi**			
	+ Giải nhất	9,25	7,72	3,86
	+ Giải nhì	6,18	4,63	2,32
	+ Giải ba	4,63	3,86	1,96
	+ Giải khuyến khích	2,77	2,32	0,87
b	**Số lượng từ 30 đến dưới 50 ca khúc dự thi**			
	+ Giải nhất	12,34	10,02	4,63
	+ Giải nhì	8,49	6,95	3,09
	+ Giải ba	6,18	4,63	2,32
	+ Giải khuyến khích	3,86	3,09	1,54
c	**Số lượng từ 50 ca khúc trở lên**			
	+ Giải nhất	13,88	10,80	5,40
	+ Giải nhì	9,25	7,72	3,86
	+ Giải ba	6,95	5,40	2,73
	+ Giải khuyến khích	3,86	3,09	1,54
4	**Mức thưởng các cuộc thi sáng tác ảnh**			
a	**Số lượng từ 200 đến dưới 500 tác phẩm**			
	+ Giải nhất	9,25	7,72	3,86
	+ Giải nhì	6,18	4,63	2,32

	+ Giải ba	4,63	3,86	1,96
	+ Giải khuyến khích	2,77	2,32	1,19
b	**Số lượng từ 500 đến dưới 1.000 tác phẩm**			
	+ Giải nhất	10,80	8,49	4,63
	+ Giải nhì	7,72	6,18	3,09
	+ Giải ba	5,40	4,32	2,32
	+ Giải khuyến khích	3,09	2,32	1,23
c	**Số lượng từ 1.000 tác phẩm trở lên**			
	+ Giải nhất	12,34	10,02	4,63
	+ Giải nhì	8,49	6,95	3,09
	+ Giải ba	6,18	4,63	2,32
	+ Giải khuyến khích	3,86	3,09	1,54
5	**Giải thưởng của lĩnh vực hoạt động Thư viện**			
a	**Thi viết, trả lời các câu hỏi dành cho người lớn** *(Riêng giải thưởng dành cho đối tượng thiếu nhi bằng 2/3 giải thưởng của người lớn)*			
	- Giải cá nhân			
	+ Giải nhất	3,86	3,09	1,54
	+ Giải nhì	1,85	1,54	0,77
	+ Giải ba	0,94	0,77	0,42
	+ Giải khuyến khích	0,25	0,20	0,10
	- Giải tập thể toàn đoàn (từ 3 đến 5 giải)	1,19	0,94	0,46
	- Giải chuyên đề (từ 3 đến 5 giải)	0,26	0,23	0,14
b	**Tuyên truyền, kể chuyện có minh hoạ (dành cho người lớn)** *(Riêng giải thưởng dành cho đối tượng thiếu nhi bằng 2/3 giải thưởng của người lớn)*			

	- *Giải cá nhân*			
	+ Giải nhất	3,86	3,09	1,54
	+ Giải nhì	1,85	1,54	0,77
	+ Giải ba	0,94	0,77	0,42
	+ Giải khuyến khích	0,25	0,20	0,10
	- *Giải toàn đoàn (từ 1 đến 5 giải)*	1,19	0,94	0,46
	- *Giải chuyên đề (từ 3 đến 5 giải)*	0,26	0,23	0,14
c	**Trang trí, vẽ tranh theo sách, thi xếp mô hình sách, vẽ heo đất, nón lá,...**			
	- *Giải cá nhân*	-	-	-
	+ Giải nhất	1,19	0,94	0,46
	+ Giải nhì	0,77	0,62	0,32
	+ Giải ba	0,57	0,46	0,25
	+ Giải khuyến khích	0,15	0,15	0,06
	- *Giải toàn đoàn (từ 3 đến 5 giải)*	0,46	0,42	0,20

Phụ lục 03 (Điều 10)

CHI HỖ TRỢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG SINH VẬT CẢNH

(Ban hành kèm theo Quy định chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính và định mức chi đối với lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương)

Đơn vị tính: Mức lương cơ sở

STT	Nội dung	Tỉnh	Cấp huyện; các ngành tỉnh	Cấp xã; các ngành cấp huyện
1	**Hỗ trợ chi phí vận chuyển**			
a	**Kiểng cổ**			
	- Đại (chậu)	0,50	0,40	0,22
	- Trung (chậu)	0,40	0,28	0,17
	- Tiểu (chậu)	0,28	0,17	0,11
b	**Bonsai**			
	- Đại (chậu)	0,22	0,17	0,11
	- Trung (chậu)	0,17	0,11	0,06
	- Tiểu (chậu)	0,11	0,11	0,06
c	**Tiểu cảnh**			
	- Đại (tiểu cảnh)	0,40	0,28	0,17
	- Trung (tiểu cảnh)	0,28	0,17	0,11
	- Tiểu (tiểu cảnh)	0,22	0,17	0,11
d	**Hòn non bộ**			
	- Đại	0,40	0,28	0,17
	- Trung	0,28	0,17	0,11
	- Tiểu	0,22	0,17	0,11

đ	**Thư pháp**			
	- Đại	0,22	0,17	0,11
	- Trung	0,17	0,11	0,06
	- Tiểu	0,11	0,11	0,06
e	**Mai vàng**			
	- Đại (chậu)	0,50	0,40	0,22
	- Trung (chậu)	0,40	0,28	0,17
	- Tiểu (chậu)	0,28	0,17	0,11
g	**Phong lan (4 loại)**			
	- Đại (chậu)	0,11	0,06	0,04
	- Trung (chậu)	0,06	0,06	0,04
	- Tiểu (chậu)	0,05	0,04	0,02
h	**Hoa đẹp các loại**			
	- Đại (chậu)	0,17	0,14	0,06
	- Trung (chậu)	0,11	0,11	0,06
	- Tiểu (chậu)	0,11	0,11	0,06
i	**Hoa quả tạo hình**			
	- Đại	0,78	0,62	0,28
	- Trung	0,56	0,46	0,22
	- Tiểu	0,40	0,28	0,17
k	**Cây khô mỹ thuật, tác phẩm nghệ thuật…**			
	- Đại	0,40	0,28	0,17

	- Trung	0,28	0,17	0,11
	- Tiểu	0,22	0,17	0,11
2	**Chi giải thưởng**	-	-	-
a	**Kiểng cổ**			
	- Kiểng cổ (đại)			
	+ Huy chương vàng (1)	4,21	3,51	1,68
	+ Huy chương bạc (1)	2,81	2,11	1,12
	+ Huy chương đồng (1)	2,11	1,78	0,85
	+ Giải khuyến khích (3)	1,26	1,08	0,52
	- Kiểng cổ (trung)			
	+ Huy chương vàng (1)	3,51	2,81	1,40
	+ Huy chương bạc (1)	2,52	2,05	0,99
	+ Huy chương đồng (1)	1,78	1,40	0,70
	+ Giải khuyến khích (3)	1,08	0,85	0,42
	- Kiểng cổ (tiểu)			
	+ Huy chương vàng (1)	2,52	2,05	0,99
	+ Huy chương bạc (1)	1,78	1,40	0,70
	+ Huy chương đồng (1)	1,26	1,08	0,52
	+ Giải khuyến khích (3)	0,79	0,65	0,29
b	**Bonsai**			
	- Bonsai (đại)			
	+ Huy chương vàng (1)	2,52	2,05	0,99
	+ Huy chương bạc (1)	1,78	1,40	0,70
	+ Huy chương đồng (1)	1,26	1,08	0,52
	+ Giải khuyến khích (3)	0,79	0,65	0,29
	- Bonsai (trung)			
	+ Huy chương vàng (1)	2,11	1,68	0,85
	+ Huy chương bạc (1)	1,68	1,40	0,70

	+ Huy chương đồng (1)	1,08	0,85	0,42
	+ Giải khuyến khích (3)	0,65	0,52	0,29
	- Bonsai (tiểu)			
	+ Huy chương vàng (1)	1,40	1,12	0,56
	+ Huy chương bạc (1)	0,99	0,79	0,42
	+ Huy chương đồng (1)	0,70	0,56	0,29
	+ Giải khuyến khích (3)	0,42	0,35	0,14
c	**Tiểu cảnh**			
	- Tiểu cảnh (đại)			
	+ Huy chương vàng (1)	2,11	1,68	0,85
	+ Huy chương bạc (1)	1,40	1,12	0,56
	+ Huy chương đồng (1)	1,08	0,85	0,42
	+ Giải khuyến khích (3)	0,65	0,52	0,29
	- Tiểu cảnh (trung)			
	+ Huy chương vàng (1)	1,78	1,40	0,70
	+ Huy chương bạc (1)	1,26	1,08	0,52
	+ Huy chương đồng (1)	0,85	0,70	0,38
	+ Giải khuyến khích (3)	0,56	0,42	0,23
	- Tiểu cảnh (tiểu)			
	+ Huy chương vàng (1)	1,26	1,08	0,52
	+ Huy chương bạc (1)	0,85	0,70	0,38
	+ Huy chương đồng (1)	0,65	0,52	0,23
	+ Giải khuyến khích (3)	0,38	0,29	0,14
d	**Hòn non bộ**			
	- Hòn non bộ (đại)			
	+ Huy chương vàng	2,81	2,11	1,12
	+ Huy chương bạc	2,11	1,68	0,85
	+ Huy chương đồng	1,40	1,08	0,56
	+ Giải khuyến khích	0,85	0,65	0,38
	- Hòn non bộ (trung)			
	+ Huy chương vàng	2,11	1,68	0,85

	+ Huy chương bạc	1,40	1,12	0,56
	+ Huy chương đồng	1,08	0,85	0,42
	+ Giải khuyến khích	0,65	0,52	0,29
	- Hòn non bộ (tiểu)			
	+ Huy chương vàng	1,68	1,40	0,70
	+ Huy chương bạc	1,22	0,99	0,52
	+ Huy chương đồng	0,85	0,70	0,38
	+ Giải khuyến khích	0,52	0,42	0,23
đ	**Thư pháp**			
	- Thư pháp (đại)			
	+ Huy chương vàng	2,52	2,05	0,99
	+ Huy chương bạc	1,78	1,40	0,70
	+ Huy chương đồng	1,26	1,08	0,52
	+ Giải khuyến khích	0,79	0,65	0,29
	- Thư pháp (trung)			
	+ Huy chương vàng	2,11	1,68	0,85
	+ Huy chương bạc	1,68	1,40	0,70
	+ Huy chương đồng	1,08	0,85	0,42
	+ Giải khuyến khích	0,65	0,52	0,29
	- Thư pháp (tiểu)			
	+ Huy chương vàng	1,40	1,12	0,56
	+ Huy chương bạc	0,99	0,79	0,42
	+ Huy chương đồng	0,70	0,56	0,29
	+ Giải khuyên khích	0,42	0,38	0,14
e	**Mai vàng**			
	- Mai vàng (đại)			
	+ Huy chương vàng (1)	3,37	2,81	1,40
	+ Huy chương bạc (1)	2,52	2,05	1,08
	+ Huy chương đồng (1)	1,68	1,40	0,70
	+ Giải khuyến khích (3)	0,99	0,85	0,42
	- Mai vàng (trung)			

	+ Huy chương vàng (1)	2,81	2,11	1,12
	+ Huy chương bạc (1)	2,11	1,68	0,85
	+ Huy chương đồng (1)	1,40	1,08	0,56
	+ Giải khuyến khích (3)	0,85	0,65	0,38
	- Mai vàng (tiểu)			
	+ Huy chương vàng (1)	2,11	1,68	0,85
	+ Huy chương bạc (1)	1,40	1,08	0,56
	+ Huy chương đồng (1)	1,08	0,85	0,42
	+ Giải khuyến khích (3)	0,65	0,52	0,29
g	**Phong lan (4 loại nhập, 1 nội địa)**			
	- Phong lan (đại)			
	+ Huy chương vàng (5)	1,26	0,99	0,52
	+ Huy chương bạc (5)	0,85	0,70	0,38
	+ Huy chương đồng (5)	0,65	0,52	0,23
	+ Giải khuyến khích (15)	0,65	0,47	0,14
	- Phong lan (trung)			
	+ Huy chương vàng	1,08	0,85	0,42
	+ Huy chương bạc	0,70	0,56	0,29
	+ Huy chương đồng	0,52	0,42	0,23
	+ Giải khuyến khích	0,29	0,23	0,14
	- Phong lan (tiểu)			
	+ Huy chương vàng	0,79	0,65	0,29
	+ Huy chương bạc	0,56	0,42	0,23
	+ Huy chương đồng	0,35	0,29	0,14
	+ Giải khuyến khích	0,23	0,18	0,09
h	**Hoa đẹp các loại**			
	- Hoa đẹp các loại (đại)			
	+ Huy chương vàng	2,11	1,68	0,85
	+ Huy chương bạc	1,40	1,12	0,56
	+ Huy chương đồng	1,08	0,85	0,42
	+ Giải khuyến khích	0,65	0,52	0,29

	- Hoa đẹp các loại (trung)			
	+ Huy chương vàng	1,78	1,40	0,70
	+ Huy chương bạc	1,26	0,99	0,52
	+ Huy chương đồng	0,85	0,70	0,38
	+ Giải khuyến khích	0,56	0,42	0,23
	- Hoa đẹp các loại (tiểu)			
	+ Huy chương vàng	1,26	0,99	0,52
	+ Huy chương bạc	0,85	0,70	0,38
	+ Huy chương đồng	0,65	0,52	0,23
	+ Giải khuyến khích	0,38	0,29	0,14
i	**Hoa quả tạo hình**			
	- Hoa quả tạo hình (đại)			
	+ Huy chương vàng (1)	4,91	4,21	2,11
	+ Huy chương bạc (1)	3,51	2,81	1,40
	+ Huy chương đồng (1)	2,52	2,11	1,08
	+ Giải khuyến khích (3)	1,40	1,12	0,56
	- Hoa quả tạo hình (trung)			
	+ Huy chương vàng (1)	4,21	3,51	1,68
	+ Huy chương bạc (1)	2,81	2,11	1,12
	+ Huy chương đồng (1)	2,11	1,78	0,85
	+ Giải khuyến khích (3)	1,26	1,08	0,52
	- Hoa quả tạo hình (tiểu)			
	+ Huy chương vàng (1)	2,95	2,11	1,22
	+ Huy chương bạc (1)	2,11	1,68	0,85
	+ Huy chương đồng (1)	1,40	1,08	0,56
	+ Giải khuyến khích (3)	0,94	0,70	0,38
k	**Cây khô mỹ thuật, tác phẩm nghệ thuật…**			
	- Cây khô mỹ thuật (đại)			
	+ Huy chương vàng	2,81	2,11	1,12
	+ Huy chương bạc	2,11	1,68	0,85

	+ Huy chương đồng	1,40	1,08	0,56
	+ Giải khuyến khích	0,85	0,65	0,38
	- Cây khô mỹ thuật (trung)			
	+ Huy chương vàng	2,11	1,68	0,85
	+ Huy chương bạc	1,40	1,08	0,56
	+ Huy chương đồng	1,08	0,85	0,42
	+ Giải khuyến khích	0,65	0,52	0,29
	- Cây khô mỹ thuật (tiểu)			
	+ Huy chương vàng	1,68	1,40	0,70
	+ Huy chương bạc	1,12	0,94	0,42
	+ Huy chương đồng	0,85	0,70	0,38
	+ Giải khuyến khích	0,52	0,38	0,23
l	**Gian hàng đẹp**			
	+ Huy chương vàng	4,68	3,74	2,81
	+ Huy chương bạc	3,74	2,81	2,34
	+ Huy chương đồng	2,81	2,34	1,87
	+ Giải khuyến khích	1,87	1,87	1,40